

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 01 /2018/ HNGĐ - ST

Ngày: 22 tháng 6 năm 2018

*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và
nghĩa vụ về tài sản khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

2. Bà Đinh Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn , tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nghĩa vụ về tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Kim Ph, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm G, thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh Q.

Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1980 (Vắng mặt vì đã tuyên mất tích).

Địa chỉ: Xóm G, thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: 169 L, phường H, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Thanh T – Phó Giám đốc phụ trách – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S. Theo Quyết định số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2018, bản tự khai ngày 19/01/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trương Thị Kim Ph trình bày:

Chị và anh Trần Văn Th kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Q. Quá trình chung sống, chị và anh Th sống hạnh phúc nhưng đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Th không lo làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con mà thường xuyên uống rượu say xỉn. Chị và gia đình hai bên khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh Th vẫn không thay đổi tính tình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau, thậm chí có lúc anh Th còn đánh đập chị và các con. Đến cuối năm 2011 anh Th tự ý bỏ nhà đi đâu chị không biết nhưng đầu năm 2012 anh Th quay trở về và chung sống lại với chị và các con, tuy nhiên anh Th vẫn chứng nào tật đó, không chịu sửa sai, không có trách nhiệm với vợ con. Đầu năm 2013 mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, anh Th lại tiếp tục bỏ nhà đi đâu chị không biết, cũng từ đó đến nay không rõ tung tích của anh Th, chị đã sử dụng các biện pháp tìm kiếm anh Th trên các phương tiện thông tin đại chúng như đăng trên báo, trên đài nhưng vẫn không có tin tức về anh Th. Chị đã yêu cầu Tòa án nhân huyện S tuyên bố anh Th mất tích nên vào ngày 07/12/2017 Tòa án nhân dân huyện S đã ra Quyết định tuyên bố anh Trần Văn Th mất tích. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn Th.

Khi ly hôn:

Về con chung: Chị và anh Th có với nhau 02 người con Trần Thị Kiều Tr - Sinh ngày 14/9/2005 và cháu Trần Thị Quỳnh Nh - Sinh ngày 26/01/2012, hiện nay 02 cháu đang ở với chị tại Xóm G, thôn Đ, xã S, huyện S. Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Chị Ph nhận chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S số tiền gốc đã vay 38.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hồ sơ vay vốn.

Tại biên bản hoà giải ngày 18/4/2018 chị Ph và đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S thoả thuận thống nhất giao chị Ph tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc đã vay 38.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 18/4/2018 là 841.826 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 18/4/2018 cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện S và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thoả thuận vào bản án.

Tại phiên toà, chị Ph vẫn giữ nguyên quan điểm theo biên bản thoả thuận ngày 18/4/2018 về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S.

Tại Quyết định số 02/2017/QDDS-ST ngày 07/12/2017 thì Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà đã ra Quyết định và chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Kim Ph về

việc tuyên bố một người mất tích đối với anh Trần Văn Th, sinh năm 1980, nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Xóm G, thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh Q.

Tại đơn khởi kiện ngày 17/01/2018 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T trình bày:

Vợ chồng chị Ph, anh Th có vay vốn của Ngân hàng Chính Sách xã hội tổng cộng 03 món vay với tổng số tiền là 38.000.000đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 26/11/2010 chị Ph đứng tên anh Th là người thừa kế vay vốn của chương trình hộ nghèo về nhà ở với số tiền 8.000.000đồng, lãi suất 0,250%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 26/11/2020, mã món vay 6000003500052481.

- Ngày 30/3/2015 chị Ph tiếp tục đứng tên vay vốn của chương trình hộ nghèo với số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 0,3%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/3/2020, 6600000703737192.

- Và cũng vào ngày 30/3/2015 chị Ph cũng đứng tên vay vốn của chương trình hộ nghèo số tiền 10.000.000đồng, lãi suất 0,6%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/3/2020, 6600000703737101.

Tiền lãi của 03 món vay trên tính đến ngày 18/4/2018 là 841.826đồng.

Tại biên bản hoà giải ngày 18/4/2018 đại diện Ngân hàng và chị Ph thoả thuận thống nhất. Chị Ph có trách nhiệm trả nợ số tiền 38.000.000 đồng tiền gốc vay và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 18/4/2018 là 841.826 đồng, và tiền lãi phát sinh sau ngày 18/4/2018 cho Ngân hàng chính sách xã hội và yêu cầu Toà án ghi nhận vào bản án sự thoả thuận trên.

Tại phiên toà, Ngân hàng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đồng thời vẫn đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả về nghĩa vụ trả nợ giữa Ngân hàng với chị Ph tại biên bản hoà giải ngày 18/4/2018.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án; quá trình thu thập chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án .

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 71; và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã có Quyết định tuyên bố mất tích nhưng trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết cũng đã tiến hành xác minh, niêm yết các thủ tục hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Ph được ly hôn anh Th.

- Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao 02 con Trần Thị Kiều Tr - Sinh ngày 14/9/2005 và Trần Thị Quỳnh Nh - Sinh ngày 26/01/2012 cho chị Ph trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi 02 con;

- Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thoả thuận giữa Chị Trương Thị Kim Ph và đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội – ông Lê Thanh T tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2018, Ph có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc vay 38.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/4/2018 là 841.826 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 18/4/2018 cho Ngân hàng Chính sách xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nghĩa vụ tài sản khi ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện S, tỉnh Q. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Trần Văn Th đã có Quyết định tuyên bố mất tích ngày 07/12/2017, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự nên Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các thủ tục tố tụng hợp lệ để trường hợp anh Trần Văn Th trở về thì biết và tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi cho mình. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nêu trên, Tòa án cũng không có thông tin xác thực nào về việc anh Th trở về địa phương. Do đó, Tòa án đã niêm yết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn Th vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn Th.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Kim Ph và anh Trần Văn Th kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Q trên cơ sở tự nguyện. Ngày 07/12/2017 Tòa án nhân dân huyện S chấp nhận yêu cầu của chị Ph về việc tuyên bố anh Trần Văn Th mất tích, tại Quyết định số 02/2017/QDDS-ST ngày 07/12/2017. Đến ngày 04 tháng 01 năm 2018, chị Ph có đơn yêu cầu ly hôn anh Th

nên Toà án đã thụ lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Qua lời khai cũng như các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án chị Ph cho rằng: Thời gian đầu mới kết hôn, chị và anh Th sống hạnh phúc mặc dù trong cuộc sống có đôi lúc cũng mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do Th không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu say xỉn khi về nhà đánh đập chị, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên chị và anh Th cãi vã, xúc phạm nhau thường xuyên. Đầu năm 2012 anh Th bỏ nhà đi sau đó quay về nhưng vẫn không sửa đổi tính tình nên mâu thuẫn lại tiếp diễn, đến đầu năm 2013 anh Th lại tiếp tục bỏ nhà đi đâu chị không biết, từ đó đến nay không rõ tung tích gì về anh Th. Chị đã sử dụng các biện pháp tìm kiếm anh Th trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức về anh Th và ngày 07/12/2017 theo yêu cầu của chị Tòa án nhân huyện S đã tuyên bố anh Th mất tích.

Nay chị Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn vắng mặt anh Trần Văn Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Th là chồng chị Ph và là cha của các cháu con chị Ph và anh Th nhưng khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Th đã không cố gắng cùng chị Ph hoà hợp để vượt qua mà bỏ mẹ con chị Ph đi biệt tích từ đầu năm 2013 đến nay, chị Ph đã một mình chăm sóc nuôi dưỡng 02 con trên 6 năm. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ph và anh Th đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của chị Ph về ly hôn anh Th đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 51 và Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị Kim Ph và anh Trần Văn Th có hai người con là cháu Trần Thị Kiều Tr - Sinh ngày 14/9/2005 và cháu Trần Thị Quỳnh Nh - Sinh ngày 26/01/2012, hiện nay 02 cháu đang ở với chị Ph tại Xóm G, thôn Đ, xã S, huyện S, chị Ph yêu cầu nhận trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 24/01/2018 của cháu Trần Thị Kiều Tr - Sinh ngày 14/9/2005, nguyện vọng của cháu xin được ở với chị Ph.

Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian qua chị Ph đã nuôi hai cháu một mình mà không có một sự trợ giúp nào từ phía anh Th, mặc khác, theo quyết định của Toà án tuyên thì anh Th đã mất tích. Do đó, nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi con của chị Ph là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Th trở về địa phương thì anh Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản riêng, chung: Chị Trương Thị Kim Ph không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ tài sản: Theo biên bản hoà giải ngày 18/4/2018 và tại phiên tòa chị Ph và đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội - ông Lê Thanh T vẫn giữ nguyên quan điểm theo biên bản thoả thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thoả thuận như sau: chị Ph có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các cam kết cũng như có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc đã vay là 38.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 18/4/2018 là 841.826 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 18/4/2018 cho Ngân hàng chính sách xã hội là phù hợp tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, sự thoả thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của anh Th, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã S xác nhận ngày 04/01/2018 thì hộ gia đình chị Trương Thị Kim Ph thuộc diện đối tượng hộ nghèo năm 2018 số 21292 No 129, bên cạnh đó chị Ph có đơn xin miễn tiền án phí là phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điểm b, d khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 37, khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Kim Ph được ly hôn anh Trần Văn Th.

Về con chung: Giao chị Trương Thị Kim Ph tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Trần Thị Kiều Tr - Sinh ngày 14/9/2005 và Trần Thị Quỳnh Nh - Sinh ngày 26/01/2012, chị Ph không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp anh Th trở về địa phương thì anh Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Về nghĩa vụ tài sản: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Trương Thị Kim Ph và Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S về việc giao chị Trương Thị Kim Ph có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc vay 38.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/4/2018 là 841.826 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 18/4/2018 cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo hồ sơ vay vốn đã ký kết.

Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Trương Thị Kim Ph.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hồ sơ sổ vay vốn mã khách hàng số: 3508020310 ngày 26/11/2010; số 3500041938 ngày 30/3/2015; Số 3500041938 ngày 30/3/2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Ngọc Thông

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Nguyệt

Nguyễn Sinh

Võ Ngọc Thông

